

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035
của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 650/BC-SNNMT ngày 24 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035 của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương, với các nội dung sau:

- Tên phương án: Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035.
- Tên chủ rừng: Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương (sau đây viết tắt là Công ty).
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Lạc Xuân, xã D'Ran, tỉnh Lâm Đồng.

4. Hiện trạng đất đai, tài nguyên rừng

4.1. Hiện trạng đất đai

Hiện trạng đất đai theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương, cụ thể:

a) Diện tích đất Công ty giữ lại quản lý, sử dụng là **20.224,33 ha**; trên địa bàn hành chính các xã: Đơn Dương, Quảng Lập, Ka Đô và D'Ran, trong đó:

- Giao đất không thu tiền sử dụng đất 16.982 ha, gồm: Đất rừng phòng hộ: 1.856 ha (rừng tự nhiên 1.537 ha; rừng trồng 319 ha); đất rừng tự nhiên là rừng sản xuất: 14.851 ha; đất rừng tự nhiên quy hoạch ngoài lâm nghiệp: 49 ha; đất phi nông nghiệp (sông, suối, đường): 05 ha; đất chưa sử dụng (đất trống không có cây tái sinh, đất trống có cây tái sinh, bãi đá, đất ngập nước...): 131 ha (đất trống có cây tái sinh: 64 ha; đất trống không có cây tái sinh: 67 ha).

- Diện tích thuê đất để sản xuất kinh doanh 2.297,33 ha, gồm: Đất rừng sản xuất là rừng trồng: 2.292 ha¹; đất trụ sở Công ty, nhà trạm, xưởng chế biến cơ sở sản xuất, vườn ươm (đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp): 5,33 ha.

- Diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp (cây lâu năm) chưa đề xuất giao đất, thuê đất: 1.035 ha.

b) Diện tích đất thu hồi, giao về địa phương quản lý là 1.813 ha².

4.2. Hiện trạng tài nguyên rừng

a) Diện tích đất rừng Công ty quản lý là **20.224,33 ha³**, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 2.083 ha, gồm: Đất có rừng: 1.851 ha (rừng tự nhiên: 1.537 ha; rừng trồng: 314 ha); đất có cây tái sinh: 10 ha; đất trồng rừng chưa thành rừng: 5 ha; đất khác: 217 ha (giao thông, nông nghiệp...).

- Đất rừng sản xuất: 17.973 ha, gồm: Đất có rừng: 16.803 ha (rừng tự nhiên: 14.851 ha; rừng trồng: 1.952 ha); đất có cây tái sinh: 74 ha; đất trồng rừng chưa thành rừng: 165 ha; đất khác (giao thông, nông nghiệp...): 931 ha.

- Đất ngoài quy hoạch ba loại rừng: 168,33 ha, trong đó: Đất có rừng: 132 ha (rừng tự nhiên: 49 ha; rừng trồng: 83 ha); đất trống có cây tái sinh: 01 ha; đất trồng rừng chưa thành rừng: 14 ha; đất khác (đất trống, giao thông, nông nghiệp, đất trụ sở, vườn ươm, xưởng chế biến gỗ): 21,33 ha.

b) Tổng trữ lượng gỗ (cây đứng) khoảng 2.010.838 m³ (gỗ rừng tự nhiên: 1.582.747 m³; gỗ rừng trồng: 428.091 m³) và khoảng 15.887.000 cây tre nứa các loại.

5. Mục tiêu phương án

5.1. Mục tiêu chung

¹ Gồm: Đất rừng trồng của Công ty: 1.836 ha; đất giao khoán: 126 ha; đất Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai liên doanh, liên kết trồng rừng trên diện tích đất Công ty quản lý đã thanh lý nhưng chưa thu hồi: 302 ha; diện tích rừng trồng của người dân tự bỏ vốn trồng trên nương rẫy sản xuất ổn định thuộc quy hoạch lâm nghiệp giao Công ty quản lý: 28 ha.

² Theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.

³ Theo Báo cáo thẩm định số 650/BC - SNNMT ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

a) Bảo đảm việc sử dụng, bảo vệ và phát triển rừng một cách hợp lý, ổn định và lâu dài, đáp ứng hài hòa các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

b) Khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên rừng và đất rừng, bảo tồn và cải thiện năng lực rừng, đảm bảo các yêu cầu đa chức năng của rừng với chi phí hợp lý và lợi nhuận cao, đảm bảo hiệu quả kinh tế ổn định và lâu dài; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

c) Tăng cường chức năng phòng hộ của rừng; duy trì độ che phủ rừng, phấn đấu tăng độ che phủ rừng lên 93%; phát huy tối đa chức năng bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm trong vùng.

d) Tạo việc làm, thu nhập, nâng cao đời sống cho công nhân viên, người lao động trong Công ty và người dân địa phương, nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Phát triển kinh tế địa phương thông qua các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; trồng cây dược liệu dưới tán rừng và các dịch vụ đi kèm khác.

5.2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu kinh tế

- Phần đầu doanh thu từ hoạt động lâm nghiệp năm 2026 trên 31 tỷ đồng; giai đoạn 2027-2035 dự kiến mức tăng bình quân 5,5%/năm, trồng lại rừng sau khai thác chính khoảng 360 ha. Khai thác rừng trồng khoảng 37 ha/năm/5.920 m³ gỗ; tía thưa nuôi dưỡng rừng trồng trên 100 ha/năm/1.800 m³; khai thác lồ ô, tre nứa khoảng 3.000.000 cây/năm; khai thác mây khoảng 120 tấn/năm; khai thác nhựa thông 557 tấn/năm; cung ứng dịch vụ môi trường rừng khoảng 4,9 tỷ đồng/năm; chế biến gỗ bình quân 7.720 m³ gỗ/năm; khoanh nuôi bảo vệ xúc tiến tái sinh thành rừng tự nhiên diện tích 77,33 ha.

- Tổ chức kinh doanh hiệu quả du lịch, sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và trồng cây dược liệu dưới tán rừng theo quy định, nhằm đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, tạo thêm nguồn thu cho doanh nghiệp và cho địa phương; từng bước phát triển thị trường các-bon theo quy định, lợi ích mang lại được chia sẻ một phần cho cộng đồng địa phương, người dân tham gia nhận khoán bảo vệ rừng.

b) Mục tiêu xã hội

- Tạo việc làm, thu nhập ổn định cho khoảng 36 lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân trên 13 triệu đồng/người/tháng; thu hút trên 100 lao động địa phương tham gia vào các hoạt động lâm nghiệp (thu nhập bình quân trên 50 triệu đồng/lao động/năm). Tổ chức khoán bảo vệ rừng bằng nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng với tổng diện tích khoảng 5.542,90 ha/197 hộ gia đình, thu nhập bình quân khoảng 14 triệu đồng/hộ/năm; góp phần thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, hạn chế, tiến tới chấm dứt việc xâm canh lấn chiếm, phá rừng; giữ vững an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

- Phối hợp chung tay với chính quyền địa phương thực hiện chủ trương “xóa nhà tạm, nhà dột nát”, công tác “Dân vận tập trung”... đóng góp kinh phí cho địa phương từ 30 - 50 triệu đồng/năm.

- Phối hợp lập phương án khoán đất cho các hộ gia đình sản xuất nông lâm kết hợp, nhằm đảm bảo mục tiêu tăng diện tích che phủ rừng gắn liền với ổn định, nâng cao đời sống của người dân sinh sống, canh tác gần rừng.

c) Mục tiêu môi trường: Quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng, đất được giao quản lý, không để xảy ra suy giảm diện tích có rừng. Thực hiện các biện pháp lâm sinh nhằm nâng cao chất lượng rừng; phát huy hiệu quả chức năng phòng hộ của rừng, phân đấu tăng tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 93%; giảm xói mòn, rửa trôi đất, bảo vệ nguồn nước, điều hòa khí hậu khu vực; giảm thiểu tối đa các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp và đất đai; bảo đảm xử lý kịp thời, dứt điểm 100% vụ việc phát sinh; đảm bảo 100% hoạt động sản xuất, khai thác, chế biến lâm sản tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, không gây ô nhiễm và suy thoái hệ sinh thái.

6. Những nội dung chính thực hiện phương án

6.1. Kế hoạch sử dụng đất

a) Tổng diện tích quản lý, sử dụng: 20.224,33 ha, trong đó:

- Đối với diện tích giao đất không thu tiền sử dụng đất 16.892 ha: Công ty tiếp tục quản lý, bảo vệ diện tích rừng, đất được giao quản lý, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc trồng bổ sung cây lâm nghiệp; rà soát diện tích đất trống đảm bảo tiêu chí trồng rừng để trồng rừng theo quy định.

- Diện tích thuê đất để sản xuất kinh doanh 2.297,33 ha: Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục thuê đất theo quy định; tổ chức kinh doanh hiệu quả, bền vững đối với diện tích rừng trồng gỗ do nhà nước giao làm đại diện chủ sở hữu bằng hoạt động khai thác, tia thừa nuôi dưỡng rừng tạo ra nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ hoạt động chế biến. Đối với diện tích 302 ha rừng trồng liên kết với Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai: Công ty có trách nhiệm thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền. Đối với diện tích 126 ha hợp đồng trồng rừng trên đất khoán: Công ty có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hợp đồng được ký. Đối với diện tích 28 ha của người dân tự bỏ vốn trồng trên nương rẫy sản xuất ổn định thuộc quy hoạch lâm nghiệp giao Công ty quản lý: Công ty có trách nhiệm tiếp tục vận động người dân thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng... theo quy trình kỹ thuật; phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Diện tích người dân đang sản xuất nông nghiệp (cây lâu năm) chưa đề xuất giao đất, thuê đất (1.035 ha): Công ty có trách nhiệm tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động người dân trồng xen các loài cây lâm nghiệp theo quy định⁴. Sau khi cây trồng khép tán, đảm bảo tiêu chí thành rừng thì thực hiện thủ tục liên quan đến quản lý bảo vệ rừng theo quy định; rà soát thực hiện thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

⁴Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) về việc ban hành Đề án: “Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp; khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030”, chương trình trồng 50 triệu cây xanh của tỉnh Lâm Đồng nhằm phục hồi rừng.

b) Diện tích đề nghị thu hồi giao về cho địa phương quản lý (1.813 ha): Công ty có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng để hoàn thiện hồ sơ, thủ tục về đất đai theo quy định (dự kiến hoàn thành thủ tục bàn giao trong năm 2027).

6.2. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư

Tiếp tục thực hiện khoán theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ (nay là Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016) với tổng diện tích 177 ha/19 hộ/19 hợp đồng.

6.3. Kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao quản lý; hạn chế tối đa, tiến tới chấm dứt các hành vi phá rừng, khai thác lâm sản trái phép; chủ động phòng cháy chữa cháy rừng, phòng ngừa sâu, bệnh hại rừng, cây ngoại lai xâm lấn và các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng đến rừng.

- Phòng cháy chữa cháy rừng: Xây dựng, tổ chức thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức tuyên truyền, tập huấn, diễn tập về phòng cháy, chữa cháy rừng; đầu tư trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện, công trình phục vụ phòng cháy, chữa cháy rừng; sửa chữa nâng cấp hệ thống đường tuần tra phục vụ quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Phòng trừ sinh vật gây hại rừng: Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, chủ động thực hiện công tác dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh, sinh vật gây hại rừng; thu hẹp phạm vi, điều kiện phát triển của loài cây ngoại lai xâm hại.

- Bảo tồn đa dạng sinh học: Quản lý, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên diện tích rừng đang quản lý; phát huy năng lực phòng hộ của rừng trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Bảo vệ các khu rừng gắn liền với yếu tố tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng dân tộc địa phương, giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống.

b) Kế hoạch phát triển rừng, lâm sản ngoài gỗ

(1) Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ: Tiếp tục bảo vệ toàn bộ diện tích rừng phòng hộ; lập kế hoạch khoanh nuôi bảo vệ hoặc có trồng bổ sung cây lâm nghiệp để xúc tiến tái sinh thành rừng trên các diện tích chưa đủ tiêu chí thành rừng. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân thực hiện trồng xen cây lâm nghiệp, các loài cây gỗ lớn, cây đa mục đích có giá trị phòng hộ trên đất đang sản xuất nông nghiệp ổn định.

(2) Kế hoạch phát triển rừng sản xuất:

- Đối với rừng tự nhiên: Lập kế hoạch bảo vệ diện tích rừng hiện có, khoanh nuôi bảo vệ hoặc trồng bổ sung cây lâm nghiệp để xúc tiến tái sinh thành rừng trên các diện tích chưa đủ tiêu chí thành rừng; tiếp tục rà soát diện tích đất trống để lập hồ sơ thiết kế trồng rừng nhằm nâng cao độ che phủ, chất lượng rừng; khai thác lộ ô và mây theo hướng bền vững và quy định của pháp luật; thực hiện phát triển mô hình trồng một số loài cây được liệu dưới tán rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên tại khu vực, thuộc danh mục loài cây được phép thực

hiện với diện tích bình quân khoảng 20 ha/năm.

- Đối với rừng trồng: Trồng lại rừng trên hiện trường sau khai thác trắng rừng trồng theo quy định; thực hiện biện pháp tía thưa, nuôi dưỡng rừng trồng bình quân khoảng 100 ha/năm rừng trồng theo quy định; chấp hành và tuân thủ đúng, đủ các quy trình FSC đã ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan; tuyên truyền, vận động các hộ dân trồng xen các loài cây lâm nghiệp, cây đa mục đích theo chương trình trồng 50 triệu cây xanh và theo các quy định khác nhằm phục hồi rừng, tăng độ che phủ rừng.

- Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Tổ chức thực hiện trồng, hợp tác đầu tư trồng khảo nghiệm các loại dược liệu dưới tán rừng, nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu cho phát triển ngành y dược theo quy định.

c) Kế hoạch khai thác lâm sản

(1) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng phòng hộ: Không xây dựng kế hoạch khai thác tận dụng, tận thu gỗ trong rừng phòng hộ⁵; không thực hiện khai thác chính gỗ rừng tự nhiên; không khai thác chính gỗ rừng trồng phòng hộ.

(2) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng sản xuất

- Đối với rừng tự nhiên: Không thực hiện khai thác chính gỗ rừng tự nhiên; không xây dựng kế hoạch khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng tự nhiên⁶. Khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên sản xuất theo quy định. Tổ chức khai thác lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên sản xuất (bao gồm cây dược liệu) theo quy định của pháp luật.

- Đối với rừng trồng: Khai thác chính gỗ rừng trồng giai đoạn 2026 - 2035 bình quân khoảng 37 ha/5.920 m³/năm; thực hiện biện pháp lâm sinh tía thưa, nuôi dưỡng rừng trồng, khai thác tận dụng lâm sản theo quy định của pháp luật; khai thác lâm sản phụ/lâm sản ngoài gỗ theo phương án quản lý rừng bền vững đã được thẩm định và quy định của pháp luật.

- Tổ chức khai thác: Công ty có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án, hồ sơ, khai thác, vệ sinh rừng, đảm bảo an ninh, an toàn lao động, bảo vệ rừng... theo đúng các quy trình, quy phạm, quy định của pháp luật liên quan.

6.4. Nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, đào tạo nguồn nhân lực

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để thực hiện một số chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học theo quy định. Cử cán bộ và nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn... để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ cho các nhiệm vụ của đơn vị; tham quan học tập kinh nghiệm về quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng tại các đơn vị, địa phương khác.

6.5. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

⁵ Trường hợp khi có quyết định chuyển đổi rừng sang mục đích khác theo chương trình/dự án, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc khi xảy ra thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh (cây gỗ bị chết, cây bật gốc, cây gãy đổ, cây bị sâu bệnh); tùy thuộc vào tình hình thực tế, Công ty tiến hành lập hồ sơ khai thác tận dụng, tận thu gỗ, trình cấp thẩm quyền phê duyệt, làm cơ sở để triển khai thực hiện;

⁶ Trường hợp, khi phát sinh cây chết đứng, ngã, đổ, cây bị sâu bệnh, thiên tai hoặc các trường hợp được phép khai thác tận dụng, tận thu theo quy định của pháp luật, Công ty có trách nhiệm lập hồ sơ thiết kế, phương án khai thác và tổ chức thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

a) Sử dụng môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng, khám phá thiên nhiên, du lịch thể thao, vui chơi giải trí ... Tổ chức các hoạt động tìm hiểu về đa dạng sinh học gắn với thực tiễn, nhằm tăng cường giáo dục về môi trường. Du lịch sinh thái kết hợp nghiên cứu, đào tạo, khám phá, tìm hiểu văn hóa, đồng bào dân tộc thiểu số, lễ hội, vui chơi, giải trí, dã ngoại trải nghiệm thực tế, tổ chức sự kiện theo quy định.

b) Dự kiến phát triển khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; các điểm du lịch cắm trại, sinh hoạt ngoài trời; các tuyến du lịch sinh thái dã ngoại; các điểm tham quan du lịch cộng đồng (*chi tiết theo Báo cáo thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường*); trong quá trình triển khai thực hiện, yêu cầu Công ty nghiên cứu quy định của pháp luật, hoàn thiện hồ sơ thủ tục liên quan để triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

6.6. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp

a) Đối với khu vực giao khoán đất lâm nghiệp: Sản xuất lâm nông kết hợp theo đúng quy định của pháp luật.

b) Đối với diện tích người dân đang canh tác nông nghiệp: Công ty có trách nhiệm phối hợp vận động hộ gia đình trồng xen cây lâm nghiệp, cây đa mục đích theo quy định tại Quyết định số 1836/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng (cũ) và quy định của pháp luật khác liên quan.

6.7. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

a) Duy tu bảo dưỡng đường: Công ty xây dựng kế hoạch thực hiện rà sửa các tuyến đường lâm nghiệp có trong lâm phần quản lý với tổng chiều dài khoảng 65 km (dự kiến mỗi năm thực hiện rà sửa từ 5-15 km, bảo dưỡng bình quân khoảng 7,4km/năm, khối lượng cụ thể theo kết quả rà soát, đánh giá thực tế và khả năng bố trí, cân đối nguồn vốn theo quy định).

b) Mở mới đường: Tuỳ theo tình hình thực tế, Công ty tiến hành khảo sát, thiết kế, mở mới các tuyến đường vận xuất, vận chuyển bảo đảm phù hợp, theo quy định (dự kiến mở mới bình quân 5,55 km/năm).

c) Hệ thống bãi gỗ: Căn cứ tình hình khai thác thực tế tại đơn vị để thiết kế vị trí bãi gỗ, số lượng cho phù hợp.

d) Các công trình khác: Thực hiện duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở hạ tầng như Trạm bảo vệ rừng, vườn ươm, chòi canh lửa... phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng theo quy định và thực tiễn tình hình sản xuất kinh doanh.

6.8. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

a) Tạo việc làm, thu nhập hàng năm cho hơn 100 lao động địa phương thông qua các hoạt động lâm nghiệp (khoán bảo vệ rừng, khai thác, nuôi dưỡng rừng, gieo ươm, trồng và chăm sóc rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, chế biến lâm sản...).

b) Tiếp tục thực hiện ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng, hợp đồng trồng rừng, chăm sóc rừng và các biện pháp lâm sinh khác với các hộ dân theo quy định hiện hành; trong đó, áp dụng mô hình hợp tác sản xuất có chia sẻ lợi ích theo tỷ lệ sản phẩm đầu ra, đảm bảo minh bạch, công bằng.

c) Xây dựng, triển khai mô hình sản xuất nông - lâm nghiệp bền vững tạo

sản phẩm đặc trưng phát triển sinh kế cho người dân. Xây dựng, phát triển mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí dựa vào cộng đồng. Thực hiện nghĩa vụ công ích; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể để thông tin, tham vấn và tạo sự đồng thuận trong triển khai các hoạt động lâm nghiệp.

d) Xây dựng mô hình, hướng dẫn khoa học kỹ thuật cho các hộ dân đối với các mô hình trồng xen cây lâm nghiệp trên đất lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định. Tiếp tục tăng cường sự giám sát cộng đồng nhằm đảm bảo công khai, dân chủ và hiệu quả.

6.9. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng, chi trả dịch vụ các-bon rừng (nếu có)

Thực hiện chính sách về dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm; Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng và các quy định hiện hành của pháp luật khác liên quan.

6.10. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Lập kế hoạch và tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; phòng cháy, chữa cháy rừng tại các thôn, xã. Biên tập và xuất bản tài liệu, ấn phẩm truyền thông hàng năm theo các chủ đề về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, sự kiện môi trường. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về thiên nhiên, truyền thông và giáo dục môi trường hàng năm.

6.11. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học; điều tra, kiểm kê rừng

a) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học

- Hàng năm, thực hiện theo dõi, cập nhật diễn biến tài nguyên rừng trên toàn bộ diện tích được giao quản lý, bằng phương pháp ảnh viễn thám kết hợp kiểm tra thực địa để cập nhật, bổ sung vào cơ sở dữ liệu quản lý tài nguyên rừng. Kết quả được tổng hợp, báo cáo theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch bảo vệ rừng hàng năm. Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức bảo tồn trong việc khảo sát, đánh giá đa dạng sinh học.

- Xây dựng kế hoạch giám sát định kỳ, đột xuất, xác định chỉ tiêu và phương pháp phù hợp; sử dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại để theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, giám sát đa dạng sinh học hàng năm. Thiết lập hệ thống lưu trữ và quản lý dữ liệu giám sát, bảo đảm cập nhật thường xuyên và liên thông với cơ quan quản lý chuyên ngành. Kết quả giám sát được sử dụng để định hướng các giải pháp bảo tồn, phục hồi sinh thái và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, đồng thời làm cơ sở cập nhật kế hoạch quản lý rừng và báo cáo

cơ quan chức năng.

b) Điều tra, kiểm kê rừng: Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và đơn vị có liên quan thực hiện điều tra, kiểm kê rừng theo quy định và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quản lý rừng, phục vụ công tác lập kế hoạch quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Việc điều tra, kiểm kê rừng thực hiện theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan liên quan, đảm bảo tính chính xác và phù hợp với thực tế quản lý của đơn vị.

6.12. Chế biến, thương mại lâm sản

Công ty có trách nhiệm hợp đồng gia công lâm sản hoặc bán gỗ tròn, lâm sản ngoài gỗ cho các đơn vị theo quy định, đáp ứng tiêu chuẩn bền vững FSC; Chủ động đầu tư nâng cấp nhà xưởng, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến lâm sản đáp ứng yêu cầu của thị trường, phù hợp quy định và xu hướng phát triển bền vững nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, hạn chế thất thoát nguyên liệu và đáp ứng tiêu chuẩn bền vững FSC; toàn bộ lâm sản sau khai thác, chế biến phải được quản lý, vận chuyển và tiêu thụ theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo không làm thất thoát tài sản nhà nước.

6.13. Kế hoạch khác (bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác)

a) Thực hiện quản lý, bảo vệ tài nguyên địa chất chưa khai thác trong phạm vi diện tích rừng và đất lâm nghiệp được Nhà nước giao quản lý theo quy định của pháp luật; không tự ý thăm dò, khai thác, thu hồi khoáng sản, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

b) Thường xuyên tuần tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, tập kết khoáng sản trái phép trong lâm phần được giao quản lý; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để kiểm tra, xử lý theo quy định; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân bao che, tiếp tay cho hoạt động khoáng sản trái phép (nếu có).

7. Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện

a) Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững cho giai đoạn 2026-2035 khoảng 339.041 triệu đồng, trong đó: quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng khoảng 143.138 triệu đồng; phát triển rừng khoảng 40.864 triệu đồng; quản lý rừng bền vững, FSC, nghiên cứu khoa học và đào tạo khoảng 6.151 triệu đồng; du lịch sinh thái, hạ tầng và tuyên truyền khoảng 11.000 triệu đồng; hoạt động khai thác, chế biến và kinh doanh lâm sản khoảng 137.888 triệu đồng.

b) Dự kiến nguồn vốn đầu tư: Khoảng 339.041 triệu đồng, trong đó: Vốn của doanh nghiệp (vốn sản xuất kinh doanh) khoảng 202.903 triệu đồng; vốn ngân sách nhà nước dự kiến (đặt hàng) khoảng 81.993 triệu đồng; vốn từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng khoảng 49.145 triệu đồng; vốn xã hội hóa khoảng 5.000 triệu đồng.

Quá trình triển khai thực hiện Công ty căn cứ theo quy định của pháp luật, quyết định giao kế hoạch vốn hàng năm của cấp có thẩm quyền (đối với vốn ngân sách nhà nước được tổng hợp, lồng ghép, thực hiện từ nhiều dự án, chương trình của Trung ương và địa phương). Việc quản lý sử dụng vốn phải thực hiện

theo quy định của pháp luật về ngân sách, đầu tư công, lâm nghiệp và quy định của pháp luật khác có liên quan.

8. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp tổ chức quản lý, sử dụng đất

- Tổ chức quản lý, sử dụng chặt chẽ, đúng mục đích theo phương án sử dụng đất được phê duyệt tại Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; phối hợp với các cơ quan chuyên ngành có liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh mốc giới đảm bảo phù hợp thống nhất giữa hồ sơ hiện trạng, bản đồ và thực địa. Lập hồ sơ giao đất, thuê đất trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn tiếp hành đo đạc, thu hồi diện tích đất trả về địa phương quản lý theo phương án đã được phê duyệt. Phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương vận động người dân canh tác nông nghiệp ổn định lâu năm trên đất lâm nghiệp thực hiện trồng xen cây lâm nghiệp, cây đa mục đích theo chủ trương, đề án của cấp thẩm quyền và quy định của pháp luật. Thực hiện giao khoán đất lâm nghiệp rõ ràng về ranh giới, diện tích, hiện trạng, mục đích sử dụng. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp trong quản lý sử dụng diện tích đất được giao. Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động diện tích, hiện trạng sử dụng đất.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, phối hợp trong quản lý sử dụng diện tích đất được giao. Thường xuyên theo dõi, cập nhật biến động diện tích, hiện trạng sử dụng đất. Ứng dụng GIS, viễn thám và cơ sở dữ liệu đất đai trong theo dõi, giám sát và cập nhật thông tin quản lý. Thực hiện thống kê, kiểm kê đất lâm nghiệp; đánh giá hiệu quả sử dụng đất làm cơ sở điều chỉnh phương án quản lý.

b) Giải pháp tổ chức quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Tiếp tục thực hiện kiện toàn bộ máy quản lý của Công ty, chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm vận hành đồng bộ, hiệu quả bộ máy quản lý của Công ty. Thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật về lâm nghiệp, phòng cháy, chữa cháy rừng, đất đai ... để người dân nắm bắt và thực thi pháp luật. Thực hiện ký quy chế phối hợp với cơ quan liên quan, ký cam kết bảo vệ rừng với người dân địa phương.

- Tổ chức quản lý, sử dụng chặt chẽ, đúng mục đích diện tích rừng được giao quản lý; tăng cường tuần tra, kiểm tra; ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại rừng; thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và phòng trừ sinh vật gây hại; bảo toàn diện tích rừng tự nhiên nhà nước đặt hàng; phục hồi diện tích chưa thành rừng thông qua giải pháp lâm sinh. Phân công trách nhiệm cụ thể cho lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và hộ dân nhận khoán; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương các xã, các đơn vị giáp ranh, cơ quan chức năng, người dân địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và phát triển rừng.

- Tổ chức khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ theo phương án, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện trồng rừng, chăm sóc, nuôi dưỡng, tỉa thưa rừng trồng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả

theo dõi diễn biến rừng, sử dụng, phát triển rừng bằng ứng dụng công nghệ số (GIS, thiết bị bay không người lái, ảnh viễn thám).

c) Giải pháp về khoa học công nghệ: Xây dựng kế hoạch đào tạo, bố trí nguồn nhân lực trẻ có trình độ và năng lực nhằm tiếp cận nhanh tiến bộ khoa học công nghệ, vận dụng sáng tạo vào công việc. Đầu tư kinh phí mua sắm các trang thiết bị tiên tiến như Flycam, drone, thiết bị định vị vệ tinh và hệ thống máy móc, dây chuyền chế biến lâm sản theo hướng tự động hóa cao; ứng dụng công nghệ GIS, GPS và phần mềm quản lý để liên thông dữ liệu chính xác, phục vụ giám sát tài nguyên rừng và sản xuất kinh doanh. Áp dụng biện pháp lâm sinh tiên tiến, sử dụng giống cây chất lượng cao, kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp, đúng theo quy định hiện hành; từng bước đầu tư máy móc, dây chuyền chế biến gỗ hiện đại nhằm tăng năng suất, gia tăng giá trị, đa dạng hóa sản phẩm từ chế biến lâm sản.

d) Các giải pháp khác: Bảo toàn và sử dụng đúng quy định nguồn vốn rừng trồng được giao, kết hợp tiết kiệm chi thường xuyên để tích lũy đầu tư sản xuất; đồng thời chủ động chuẩn bị, huy động đa dạng các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai dự án và tăng cường quản trị tài chính. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, áp dụng các biện pháp lâm sinh phục hồi diện tích chưa thành rừng; chú trọng thu gom xử lý chất thải, kiểm soát đốt thực bì giảm phát thải, và lồng ghép bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn FSC.

(Chi tiết tại Phương án quản lý rừng bền vững đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định).

Điều 2. Tổ chức thực hiện phương án

1. Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương

a) Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý và phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035 đảm bảo đúng mục tiêu và tiến độ thực hiện; tuân thủ đúng quy định hiện hành; chủ động xây dựng kế hoạch, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý theo đúng quy định của pháp luật cho từng hạng mục cụ thể, trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

b) Liên hệ Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ngành liên quan để được hướng dẫn lập, hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến đất đai, rừng, xây dựng và nội dung khác (nếu có) theo quy định. Phối hợp với các đơn vị liên quan xác định phạm vi ranh giới, diện tích đất, rừng để thực hiện việc cắm mốc ranh giới, đo đạc bản đồ địa chính của Công ty theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về tính chính xác, thống nhất, hợp pháp của toàn bộ hồ sơ, tài liệu, bản đồ, bảng biểu, số liệu hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài nguyên rừng, trữ lượng rừng, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và đối chiếu với các quy hoạch, diện tích rừng, đất lâm nghiệp, ranh giới đề xuất, diện tích đất Công ty đề xuất giữ lại và diện tích đề nghị bàn giao về địa phương quản lý, diện tích thực hiện kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, sản xuất kinh doanh, phát triển du lịch sinh thái... và các nội dung đề xuất trong Phương án theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các xã: Đơn Dương, Quảng Lập, Ka Đô và D'Ran

a) Chủ động phối hợp Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương triển khai thực hiện các nội dung có liên quan trong Phương án.

b) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, xây dựng, lâm nghiệp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của địa phương theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chỉ đạo, đôn đốc và hướng dẫn, giám sát Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương xây dựng đề án/phương án, chương trình, dự án để thực hiện các kế hoạch theo nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án theo quy định của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về sự phù hợp với quy định của pháp luật và tính khách quan, chính xác đối với thông tin, nội dung, số liệu trong việc đề xuất phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững tại Điều 1 Quyết định này.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cân đối, bố trí, lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung phương án; hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao chủ động phối hợp, kiểm tra, giám sát và hướng dẫn Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương thực hiện hiệu quả phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Khoa học và Công nghệ, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Đơn Dương, Quảng Lập, Ka Đô và D'Ran; Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Đơn Dương và Giám đốc/Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, NNMT(m).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên